

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **56/2023/DS- ST**

Ngày 31 tháng 7 năm 2023

V/v “T/c hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Long

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tạ Văn Thắng

2. Bà Nguyễn Thị Hoa

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thẩm tra viên chính.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Cúc – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-DS ngày 20/6/2023; quyết định hoãn phiên tòa số 21/2023/QĐST-DS ngày 12/7/2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng T**; Địa chỉ: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí Dũng - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Tuấn Anh – Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ Pháp lý, theo Văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/07/2020 của VPBank. Người đại diện theo ủy quyền lại: ông Bùi Quang Anh theo văn bản ủy quyền số 228/2023/UQ - VPB ngày 07/6/2023. Có mặt

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1981 và chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1981; đăng ký hộ khẩu tại: xóm V, tổ dân phố N, thị trấn Q, huyện Q, thành phố Hà Nội (ĐT: 0979.475.882);

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án: ông **Nguyễn Văn Tuấn**, sinh năm 1959; bà **Phạm Thị Quang**, sinh năm 1959; bà **Tạ Thị Mơ**, sinh năm 1942; chị **Nguyễn Thị Hương**, sinh năm 1984; anh **Nguyễn Mạnh Tú**, sinh năm 2003; chị **Nguyễn Thị Anh Nhi**, sinh năm 2006; cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại: xóm V, tổ dân phố N, thị trấn Q, huyện Q, thành phố Hà Nội; ĐT: 035.773.5687;

Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án vắng mặt liên tiếp lần 2 tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 3 năm 2021 của nguyên đơn, cũng như bản tự khai và các biên bản hòa giải, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Bùi Quang Anh trình bày:

Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H vay của Ngân hàng T (sau đây gọi tắt là VPBank) tổng số tiền là 700.000.000 đồng theo các Hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng cho vay số 12640717 ngày 31 tháng 3 năm 2017 số tiền vay là: 480.000.000 đồng; thời hạn vay: 55 tháng; mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh thuốc tân dược, lãi suất tại thời điểm giải ngân là: 10,9%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/01 lần vào các ngày cố định là 01/01, 01/04, 01/07, 01/10 hàng năm ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên vào ngày 31/03/2018 và sau đó vào ngày 01/04/2018, lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 24 tháng trả lãi sau bậc thang cao nhất của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 5,5%/năm;

- Hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1810231014616 ngày 26/10/2018 số tiền là: 220.000.000 đồng; thời hạn vay: 60 tháng; mục đích vay: thanh toán tiền mua xe ô tô Chevrolet spark van mới 100% và các khế ước nhận nợ kèm theo, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 9,8%/năm, lãi suất cho vay được điều chỉnh 03 tháng/01 lần vào các ngày cố định là 01/01, 01/04, 01/07, 01/10 hàng năm ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên vào ngày 26/01/2019, điều chỉnh sau đó vào ngày 01/04/2019, lãi suất tiết kiệm thường VND tại quầy kỳ hạn 24 tháng trả lãi cuối kỳ với mức tiền gửi tiết kiệm cao nhất của VPBank đang áp dụng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 5,9%/năm.

Tài sản bảo đảm:

- Toàn bộ quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Thửa đất số: 245, tờ bản đồ số: 01, địa chỉ: thị trấn Q, huyện Q, thành phố Hà Nội, Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 602807, Số vào sổ cấp GCN: CH2149 do UBND huyện Q, thành phố Hà Nội cấp ngày 22/04/2011, thế chấp tại VPBank theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng: 964/2017, quyền số 01-2017 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30 tháng 3 năm 2017 tại Văn phòng Công chứng Kinh Đô, thành phố Hà Nội.

- 01 Xe ô tô, nhãn hiệu Chevrolvet Spark Van, số khung RLLMF75DJJH953710, số máy B12D1Z1181888HN7X0190.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, anh Thanh và chị Hằng đã được VPBank giải chấp tài sản bảo đảm là: 01 xe ô tô, nhãn hiệu Chevrolvet Spark Van, số khung RLLMF75DJJH953710, số máy B12D1Z1181888HN7X0190. Từ ngày 15/8/2019, anh Thanh, chị Hằng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với VPBank và phải chịu mức

lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, mặc dù VPBank đã nhiều lần tạo điều kiện để khách hàng thực hiện đúng hợp đồng nhưng tới thời điểm hiện tại khách hàng vẫn chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng.

Tính đến ngày 31/7/2023, anh Thanh và chị Hằng đã thanh toán cho VPBank số tiền là: 508.152.247 đồng (Trong đó: Nợ gốc 378.148.024 đồng; và Nợ lãi: 130.004.223 đồng).

Dư nợ tạm tính đến ngày 12/7/2023 của chị Hằng và anh Thanh đối với VPBank là: 654.294.446 đồng. Trong đó: Trong đó Khoản nợ 1 (theo hợp đồng tín dụng số 12640717 ngày 31/03/2017): Nợ gốc: 269.034.976 đồng; Nợ lãi: 196.554.877 đồng; lãi chậm trả: 42.624.093 đồng; Tổng gốc và lãi của khoản nợ 1: 508.213.946 đồng; Khoản nợ 2 (theo hợp đồng tín dụng số LN1810231014616 ngày 26/10/2018): Nợ gốc: 52.817.000 đồng; Nợ lãi: 72.860.705 đồng; Lãi chậm trả: 20.402.795 đồng; Tổng gốc và lãi của khoản nợ 2: 146.080.500 đồng;

VPBank đề nghị Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây đối với anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H:

- Yêu cầu Tòa án buộc anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H phải thanh toán cho VPBank Toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng số: 12640717 ngày 31/03/2017, LN1810231014616 ngày 26/10/2018 và Khế ước nhận nợ; tính đến ngày 31/7/2023 là 654.294.446 đồng. Trong đó: **Khoản nợ 1** (theo hợp đồng tín dụng số 12640717 ngày 31/03/2017): Nợ gốc: 269.034.976 đồng; Nợ lãi: 196.554.877 đồng; lãi chậm trả: 42.624.093 đồng; Tổng gốc và lãi của khoản nợ 1: 508.213.946 đồng; **Khoản nợ 2** (theo hợp đồng tín dụng số LN1810231014616 ngày 26/10/2018): Nợ gốc: 52.817.000 đồng; Nợ lãi: 72.860.705 đồng; Lãi chậm trả: 20.402.795 đồng; Tổng gốc và lãi của khoản nợ 2: 146.080.500 đồng;

- Yêu cầu Tòa án tuyên anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H tiếp tục phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng nêu trên cho đến ngày chị Hằng và anh Thanh thực tế thanh toán hết nợ cho VPBank.

- Yêu cầu Tòa án tuyên trong bản án VPBank có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại các tài sản của anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H để thu hồi nợ cho VPBank, cụ thể như sau:

Toàn bộ quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Thửa đất số: 245, tờ bản đồ số: 01, địa chỉ: thị trấn Q, huyện Q, thành phố Hà Nội, Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 602807, Số vào sổ cấp GCN: CH2149 do UBND huyện Q, thành phố Hà Nội cấp ngày 22/04/2011, thế chấp tại VPBank theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 964/2017, quyển số 01-2017 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/03/2017 tại Văn phòng Công chứng Kinh Đô, thành phố Hà Nội.

Trường hợp số tiền xử lý các tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết Toàn bộ các khoản nợ thì anh Thanh, chị Hằng vẫn phải trả hết nợ cho VPBank. Trường hợp số tiền phát mại tài sản dư sau khi thanh toán hết các khoản nợ VPBank phải trả lại anh Thanh, chị Hằng.

Về án phí: Bị đơn anh Thanh, chị Hằng phải chịu án phí sơ thẩm.

* Quá trình giải quyết vụ án: Bị đơn là anh Thanh, chị Hằng và người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Nguyễn Văn Tuấn, sinh năm 1959; bà Phạm Thị Quang, sinh năm 1959; bà Tạ Thị Mơ, sinh năm 1942; chị Nguyễn Thị Hương, sinh năm 1984; anh Nguyễn Mạnh Tú, sinh năm 2003; chị Nguyễn Thị Anh Nhi, sinh năm 2006 đều được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do và không thể hiện quan điểm giải quyết vụ án.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc triệu tập lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của đương sự; Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ; Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Do các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án, vì vậy Tòa án không hòa giải được cho các đương sự.

*** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phát biểu quan điểm:**

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nguyên đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự trong việc nộp đơn khởi kiện, cung cấp tài liệu chứng cứ, nộp tạm ứng án phí và trình bày yêu cầu của mình. Chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, Điều 72; Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 12 tháng 7 năm 2023 bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ nhất, Tòa án đã hoãn phiên tòa lần thứ 1. Phiên tòa được mở lại vào ngày ngày 31 tháng 7 năm 2023 theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 26; Điều 35, Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điều b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 317, 318, 320, 324 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về “Giao dịch bảo đảm”. Căn cứ Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Căn cứ Nghị quyết số

01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc anh Thanh và chị Hằng phải thanh toán cho VPBank tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/7/2023 là 654.294.446 đồng. Trong đó: **Khoản nợ 1** (theo hợp đồng tín dụng số 12640717 ngày 31/03/2017): Nợ gốc: 269.034.976 đồng; Nợ lãi: 196.554.877 đồng; lãi chậm trả: 42.624.093 đồng; Tổng gốc và lãi của khoản nợ 1: 508.213.946 đồng; **Khoản nợ 2** (theo hợp đồng tín dụng số LN1810231014616 ngày 26/10/2018): Nợ gốc: 52.817.000 đồng; Nợ lãi: 72.860.705 đồng; Lãi chậm trả: 20.402.795 đồng; Tổng gốc và lãi của khoản nợ 2: 146.080.500 đồng; Lãi được thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng số: 12640717 ngày 31/03/2017, LN1810231014616 ngày 26/10/2018 và Khế ước nhận nợ cho đến khi anh Thanh, chị Hằng trả hết nợ.

Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số công chứng 964/2017; quyền số 01/2017 TP/CC – SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Kinh Đô giữa Bên vay, Ngân hàng và Bên thứ ba là hộ ông Nguyễn Văn Tuấn. Hợp đồng thế chấp được Văn phòng công chứng Kinh Đô chứng nhận ngày 30/3/2017 là phù hợp với quy định pháp luật cần được chấp nhận.

Đối với tài sản thế chấp là 01 ô tô nhãn hiệu Chevrolvet Spark Van, số khung RLLMF75DJJH953710, số máy B12D1Z1181888HN7X0190 theo hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1810231014616 ngày 26/10/2018 được ký giữa VPBank với anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị H. Quá trình thực hiện hợp đồng, VPBank đã thực hiện việc giải chấp tài sản trên cơ sở yêu cầu đề nghị của anh Thanh, chị Hằng. Việc thỏa thuận giữa nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định pháp luật cần được chấp nhận.

Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí; Bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án yêu cầu thanh toán số nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 12640717 ngày 31/03/2017, LN1810231014616 ngày 26/10/2018 và (các) Khế ước nhận nợ được ký giữa VPBank với anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H, mục đích vay: bổ sung vốn kinh doanh thuộc tân được. Do vậy, xác định đây là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Thanh, chị Hằng có địa chỉ tại thị trấn Q, huyện Q, thành phố Hà Nội. Do anh Thanh, chị Hằng không thanh toán được khoản nợ cho Ngân hàng khi đến hạn trả nợ từ ngày 15/8/2019, Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện cho khách hàng trả nợ nhưng anh Thanh, chị Hằng không trả được nợ. Vì vậy, ngày 30/3/2021, VPBank đã khởi kiện anh Thanh, chị Hằng đến Tòa án nhân dân huyện Q, đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh Thanh, chị Hằng phải thanh toán trả Ngân hàng Toàn bộ khoản nợ gốc và lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số: 12640717 ngày 31/03/2017, LN1810231014616 ngày 26/10/2018 và Khế ước nhận nợ. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Q thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và còn thời hiệu.

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không có căn cứ để xem xét.

Trong vụ án này: Hợp đồng tín dụng; Hợp đồng thế chấp; giao dịch dân sự giữa các đương sự được thực hiện khi Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, vì vậy vụ án được áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết.

[2] Về nội dung: Căn cứ Hợp đồng tín dụng số: 12640717 ngày 31/03/2017, LN1810231014616 ngày 26/10/2018 và Khế ước nhận nợ được ký giữa VPBank; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số công chứng 964/2017; quyền số 01/2017 TP/CC – SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Kinh Đô giữa Bên vay, Ngân hàng và Bên thứ ba là hộ ông Nguyễn Văn Tuấn. VPBank đã giải ngân cho anh Thanh và chị Hằng tổng số tiền là: 700.000.000 đồng thông qua khế ước nhận nợ kèm theo hợp đồng tín dụng. Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, anh Thanh và chị Hằng đã trả nợ được cho VPBank số tiền: Gốc: 378.148.024 đồng; Lãi: 130.004.223 đồng. Anh Thanh và chị Hằng đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 15/8/2019. Vì vậy, VPBank đã chuyển Toàn bộ nợ của anh Thanh và chị Hằng sang nợ quá hạn theo quy định. Và từ thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến nay anh Thanh, chị Hằng không trả bất cứ khoản tiền nợ gốc và lãi nào cho VPBank.

[3] Tại phiên tòa hôn nay, VPBank xác nhận bị đơn còn nợ số tiền tính đến ngày 31/7/2023 là 654.294.446 đồng. Trong đó: **Khoản nợ 1** (theo hợp đồng tín dụng số 12640717 ngày 31/3/2017): Nợ gốc: 269.034.976 đồng; Nợ lãi: 196.554.877 đồng; lãi chậm trả: 42.624.093 đồng; Tổng gốc và lãi của khoản nợ 1: 508.213.946 đồng; **Khoản nợ 2** (theo hợp đồng tín dụng số LN1810231014616 ngày 26/10/2018): Nợ gốc: 52.817.000 đồng; Nợ lãi: 72.860.705 đồng; Lãi chậm trả: 20.402.795 đồng; Tổng gốc và lãi của khoản nợ 2: 146.080.500 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng tín dụng số: 12640717 ngày 31/03/2017, LN1810231014616 ngày 26/10/2018 và Khế ước nhận nợ được các bên ký kết có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật. Trong hợp

đồng này, các bên tự nguyện giao kết thực hiện hợp đồng và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung hợp đồng, tại thời điểm ký hợp đồng các bên đều có đầy đủ năng lực về hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội. Do đó, xác định đây là hợp đồng hợp pháp có hiệu lực thi hành đối với các bên và phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Bộ luật dân sự năm 2015.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số: 12640717 ngày 31/03/2017, LN1810231014616 ngày 26/10/2018 và Khế ước nhận nợ, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 15/8/2019 nên VPBank khởi kiện buộc bị đơn phải thanh toán cho VPBank số tiền còn nợ tính đến ngày 31/7/2023 là 654.294.446 đồng. Trong đó: **Khoản nợ 1** (theo hợp đồng tín dụng số 12640717 ngày 31/03/2017): Nợ gốc: 269.034.976 đồng; Nợ lãi: 196.554.877 đồng; lãi chậm trả: 42.624.093 đồng; Tổng gốc và lãi của khoản nợ 1: 508.213.946 đồng; **Khoản nợ 2** (theo hợp đồng tín dụng số LN1810231014616 ngày 26/10/2018): Nợ gốc: 52.817.000 đồng; Nợ lãi: 72.860.705 đồng; Lãi chậm trả: 20.402.795 đồng; Tổng gốc và lãi của khoản nợ 2: 146.080.500 đồng.

Xét thấy việc thỏa thuận lãi trong hạn, lãi quá hạn trong các hợp đồng tín dụng là đúng pháp luật và phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận. Do đó, việc VPBank khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán trả Ngân hàng số tiền nợ trên là có căn cứ và được chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của VPBank: Xét yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị đơn không thanh toán trả cho Ngân hàng nợ gốc và nợ lãi thì VPBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thi hành án. Hội đồng xét xử thấy: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất của bên thứ ba số công chứng 964/2017; quyền số 01/2017 TP/CC – SCC/HĐGD tại Văn phòng công chứng Kinh Đô giữa Bên vay, VPBank và Bên thứ ba là hộ ông Nguyễn Văn Tuấn. Hợp đồng thế chấp được Văn phòng công chứng Kinh Đô chứng nhận ngày 30/3/2017. Tài sản thế chấp là: Toàn bộ quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Thửa đất số: 245, tờ bản đồ số: 01, địa chỉ: Thị trấn Q, huyện Q, thành phố Hà Nội, Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 602807, Số vào sổ cấp GCN: CH2149 do UBND huyện Q, thành phố Hà Nội cấp ngày 22/04/2011, thế chấp tại VPBank theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 964/2017, quyền số 01-2017 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/03/2017 tại Văn phòng Công chứng Kinh Đô, thành phố Hà Nội. Hộ ông Nguyễn Văn Tuấn đã thế chấp cho VPBank để đảm bảo cho khoản vay của anh Thanh, chị Hằng.

Như vậy, việc ký kết hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ giữa bị đơn, VPBank là hoàn toàn tự nguyện không trái các quy định của pháp luật và

đã được hộ gia đình ông Nguyễn Văn Tuấn ký hợp đồng thế chấp ngày 30/3/2017 tại Văn phòng công chứng Kinh Đô, xác nhận thế chấp vào ngày đăng ký giao dịch đảm bảo ngày 30/3/2017 tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Q. Việc anh Thanh, bà Quang, bà Mơ, chị Hằng, chị Hương, ông Tuấn ký hợp đồng thế chấp là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và các bên tham gia ký kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Gia đình ông Nguyễn Văn Tuấn dùng tài sản của mình để đảm bảo cho khoản vay của bị đơn theo các Hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy có đủ căn cứ để xác nhận các hợp đồng thế chấp nêu trên có giá trị pháp lý. Yêu cầu của VPBank đề nghị Tòa án tuyên khi án có hiệu lực pháp luật mà bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ thì VPBank có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm để đảm bảo thi hành án là có căn cứ nên được chấp nhận.

Đối với tài sản thế chấp là 01 ô tô nhãn hiệu Chevrolvet Spark Van, số khung RLLMF75DJJH953710, số máy B12D1Z1181888HN7X0190 theo hợp đồng cho vay kiêm hợp đồng thế chấp xe ô tô số LN1810231014616 ngày 26/10/2018 được ký giữa VPBank với anh Nguyễn Văn T, chị Nguyễn Thị H. Quá trình thực hiện hợp đồng, VPBank đã thực hiện việc giải chấp tài sản trên cơ sở yêu cầu đề nghị của anh Thanh, chị Hằng. Việc thoả thuận giữa nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định pháp luật cần được chấp nhận.

[5] Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác trong trường hợp các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm; Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

- Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

- Vì các căn cứ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35, Điều 39; khoản 1 Điều 147, Điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ các Điều 317, 318, 320, 324 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về “Giao dịch bảo đảm”. Căn cứ Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019

của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

- Buộc anh **Nguyễn Văn T** và chị **Nguyễn Thị H** phải trả cho Ngân hàng T tổng số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 12640717 ngày 31/03/2017, LN1810231014616 ngày 26/10/2018 và Khế ước nhận nợ tạm tính đến ngày 31 tháng 7 năm 2023 là: 654.294.446 đồng. Trong đó: *Khoản nợ 1 (theo hợp đồng tín dụng số 12640717 ngày 31/03/2017):* Nợ gốc: 269.034.976 đồng; Nợ lãi: 196.554.877 đồng; lãi chậm trả: 42.624.093 đồng; Tổng gốc và lãi của khoản nợ 1: 508.213.946 đồng; *Khoản nợ 2 (theo hợp đồng tín dụng số LN1810231014616 ngày 26/10/2018):* Nợ gốc: 52.817.000 đồng; Nợ lãi: 72.860.705 đồng; Lãi chậm trả: 20.402.795 đồng; Tổng gốc và lãi của khoản nợ 2: 146.080.500 đồng.

Kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023, anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc chậm trả cho đến ngày thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng T theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận tại theo Hợp đồng tín dụng số: 12640717 ngày 31/03/2017, LN1810231014616 ngày 26/10/2018 cùng khế ước nhận nợ mà hai bên đã ký.

Trường hợp hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của nguyên đơn cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của nguyên đơn cho vay.

2. Trường hợp anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H không trả được nợ, Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý, phát mại tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là:

- *Toàn bộ quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Thửa đất số: 245, tờ bản đồ số: 01, địa chỉ: thị trấn Q, huyện Q, thành phố Hà Nội, Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 602807, số vào sổ cấp GCN: CH2149 do UBND huyện Q, thành phố Hà Nội cấp ngày 22/04/2011, thế chấp tại VPBank theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số công chứng 964/2017, quyển số 01-2017 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30/03/2017 tại Văn phòng Công chứng Kinh Đô, thành phố Hà Nội. Tài sản bảo đảm được xử lý theo diện tích, kích thước thực tế tại thời điểm xử lý tài sản.*

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp nêu trên sẽ được thanh toán Toàn bộ nợ trong các hợp đồng tín dụng nêu trên, nếu có dư Ngân hàng T

phải trả lại cho bên thế chấp, nếu thiếu thì bên vay tiền tiếp tục phải trả cho Ngân hàng T số tiền còn thiếu.

3. Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác trong trường hợp các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí sơ thẩm:

- Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị H phải chịu **30.171.778** (*ba mươi triệu, một trăm bảy một nghìn, bảy trăm bảy tám*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.200.000 đồng theo biên lai thu số 0000247 ngày 15 tháng 4 năm 2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, thành phố Hà Nội.

5. **Quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 31 tháng 7 năm 2023. Bị đơn; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm về những vấn đề liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Q;
- Chi cục THA dân sự huyện Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(**đã ký**)

Nguyễn Ngọc Long